

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC TRỌNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 60/2020/DS-ST

Ngày: 22-9-2020

V/v: Tranh chấp về hợp đồng dân sự
vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC TRỌNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Ngọc Anh
2. Ông Nguyễn Huy Khoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Bảng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 83/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2019 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2020/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trương Thị D**, sinh năm: 1958.

Địa chỉ: Số A, đường T, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Ông **Hoàng Nam Đ**, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Số T, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Phạm Kim A**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số T, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Nguyên đơn có mặt; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/11/2017 và bản tự khai, nguyên đơn bà Trương Thị D trình bày: Vào ngày 21/9/2017, ông Hoàng Nam Đ có vay của bà số tiền 2.200.000.000đ (*Hai tỷ hai trăm triệu đồng*), lãi suất 2%/tháng (tức 4.400.000đ/ngày). Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ mới trả được 1.900.000.00đ nợ gốc, cụ thể: ngày 22/9/2017 trả 600.000.000đ và ngày 29/9/2017 trả 1.300.000.000đ, còn nợ lại 300.000.000đ. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ phải trả lại số tiền vay 300.000.000đ còn thiếu và không yêu cầu lãi.

Ông Đ thừa nhận có vay và trả nợ như bà D trình bày, nay đồng ý trả lại cho bà D số tiền gốc còn thiếu.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không được do ông Đ vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST ngày 23/3/2018 Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị D về việc kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản. Buộc ông Hoàng Nam Đ có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trương Thị D số tiền nợ gốc là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

Về án phí: Buộc ông Hoàng Nam Đ phải chịu 7.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm, bà D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0007053 ngày 21/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 11/4/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 326/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị bản án sơ thẩm về phần quyết định nghĩa vụ thanh toán tiền lãi tương ứng với thời gian chưa thi hành án và phần án phí.

Tại Bản án phúc thẩm số 84/2018/DS-PT ngày 28/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử: Hủy bản án dân sự số 09/2018/DS-ST ngày 23/3/2018 Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” giữa bà Trương Thị D và ông Hoàng Nam Đ. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 17/7/2018, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thụ lý vụ án số: 178/2018/TLST-DS giải quyết lại vụ án theo trình tự sơ thẩm.

Ngày 26/3/2019, Tòa án nhân dân huyện Đ chuyển hồ sơ vụ án tới Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để giải quyết theo thẩm quyền do bà Phạm Kim A xuất cảnh từ ngày 04/02/2018.

Ngày 18/4/2019, Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng thụ lý vụ án số 83/2019/TLST-DS về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” giữa nguyên đơn bà Trương Thị D và bị đơn ông Hoàng Nam Đ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Kim A theo thủ tục thông thường.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 08/5/2019 và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Thị D trình bày: Bà và ông Hoàng Nam Đ, bà Phạm Kim A (vợ ông Đ) có quan hệ vay mượn tiền với nhau từ lâu và đã thanh toán đầy đủ các khoản vay trước. Vào ngày 21/9/2017, ông Hoàng Nam Đ có vay của bà số tiền 2.200.000.000đ (*Hai tỷ hai trăm triệu đồng*), thời hạn vay đến ngày 22/09/2017, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng (Ngân hàng TMCP Đ sau đây gọi tắt là Ngân hàng), không thỏa thuận lãi suất, hai bên có lập Giấy mượn tiền ngày 21/09/2017 do ông Hoàng Nam Đ viết. Khi cho vay tiền bà có gọi điện thông báo cho bà Phạm Kim A biết, thống nhất việc vay tiền và thỏa thuận hết thời hạn trả nợ ông Đ không trả tiền thì bà gọi điện cho bà Phạm Kim A để bà A có nghĩa vụ trả nợ cho bà, do tin tưởng nên bà không yêu cầu bà A ký vào Giấy mượn tiền. Quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản, bà đã ủy nhiệm chi số tiền 2.000.000.000đ vào tài khoản số 64310000084806 của ông Đ tại Ngân hàng theo Ủy nhiệm chi số 0093 ngày 21/9/2017; còn 200.000.000đ tiền mặt bà đưa trực tiếp cho ông Đ. Vào ngày 22/9/2017 ông Đ đã trả cho bà 600.000.000đ và ngày 29/9/2017 trả 1.300.000.000đ, tổng cộng 1.900.000.000đ nợ gốc còn nợ 300.000.000đ nợ gốc và chưa trả lãi cho bà. Nay bà khởi kiện yêu cầu ông Hoàng Nam Đ, bà Phạm Kim A liên đới trả số tiền vay 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*) và yêu cầu trả lãi từ ngày 23/9/2017 cho đến hết ngày 22/9/2020 là 03 năm với lãi suất 10%/năm, tiền lãi là 90.000.000đ (*chín mươi triệu đồng*).

Tại bản tự khai ngày 11/01/2018 và biên bản lấy lời khai ngày 09/10/2018, bị đơn ông Hoàng Nam Đ trình bày: Vào ngày 21/9/2017 ông có vay của bà Trương Thị D số tiền 2.000.000.000đ (*hai tỷ đồng*) và số nợ cũ 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*) viết thành giấy mượn tiền ngày 21/9/2017 với số tiền vay 2.200.000.000đ (*Hai tỷ hai trăm triệu đồng*) trong đó số tiền 2.000.000.000đ (*hai tỷ đồng*) bà D chuyển khoản đến số tài khoản 64310000084806 mang tên ông tại Ngân hàng và Ngân hàng đã trích từ tài khoản này để thu nợ gốc 2.000.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 182/2017/6823347/HĐTD ngày 19/4/2017 ký kết giữa Ngân hàng và vợ chồng ông Hoàng Nam Đ, bà Phạm Kim A. Số tiền 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*) là khoản nợ làm ăn cũ giữa ông và bà Trương Thị D, không liên quan đến bà A và bà A cũng không biết. Ông trả cho bà D vào ngày 22/9/2017 số tiền 600.000.000đ đến ngày 29/9/2017 trả số tiền 1.300.000.000đ tổng cộng 1.900.000.000đ. Như vậy, ông còn nợ bà D số nợ gốc 300.000.000đ nên đồng ý trả cho bà D số nợ gốc 300.000.000đ và tiền lãi phát sinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Kim A được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc; không giao nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình và các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt và thông báo kết quả phiên họp cho ông Đ và bà A được biết. Do ông Đ và bà A vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng:

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ về thẩm quyền thụ lý đúng quy định tại các Điều 28, 29, 39, 40 và 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; việc xác minh thu thập chứng cứ giao nhận chứng cứ đúng quy định từ Điều 93 và 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trình tự thụ lý, giao nhận thông báo thụ lý và các văn bản liên quan cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng đồng thời tổng đạt cho các đương sự trong vụ án đúng quy định tại Điều 195, 196 và 197 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thời hạn xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Đ và bà A phải trả số tiền nợ gốc là 300.000.000đ và lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Giữa bà Trương Thị D và ông Hoàng Nam Đ, bà Phạm Kim A có xác lập giao dịch dân sự vay tài sản tại Giấy mượn tiền ngày 21/9/2017, theo đó bà Trương Thị D cho ông Hoàng Nam Đ, bà Phạm Kim A vay số tiền 2.200.000.000đ hạn đến ngày 22/9/2017 trả đủ. Do bên vay vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên các bên phát sinh tranh chấp. Xác định đây là vụ án “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số T, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng và tại Giấy mượn tiền ngày 21/9/2017 địa chỉ được ghi trong giao dịch là số T, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vụ án “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” giữa nguyên đơn bà Trương Thị D và bị đơn ông Hoàng Nam Đ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Kim A được Tòa án nhân dân huyện Đức

Trọng thụ lý sơ thẩm lần đầu số: 257/2017/TLST-DS vào ngày 22/11/2017 và theo Công văn số 3701/PA08 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh – Công an tỉnh Lâm Đồng thể hiện bà Phạm Kim A xuất cảnh ngày 04/02/2018 là sau thời điểm Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng thụ lý vụ án, việc bà Phạm Kim A xuất cảnh không làm thay đổi thẩm quyền giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” giữa nguyên đơn bà Trương Thị D và bị đơn ông Hoàng Nam Đ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Kim A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng: Việc bà Trương Thị D và ông Hoàng Nam Đ, bà Phạm Kim A có xác lập hợp đồng vay tài sản ngày 21/9/2017 có xảy ra trên thực tế, theo nội dung Giấy mượn tiền ngày 21/9/2017 do ông Đ viết thể hiện bà Trương Thị D cho ông Hoàng Nam Đ, bà Phạm Kim A vay số tiền 2.200.000.000đ mục đích vay để trả nợ ngân hàng BIDV, thời hạn vay đến ngày 22/9/2017 trả đủ. Nguyên đơn trình bày đã ủy nhiệm chi số tiền 2.000.000.000đ vào tài khoản số 64310000084806 của bị đơn tại Ngân hàng để đáo hạn theo Ủy nhiệm chi số 0093 ngày 21/9/2017; còn 200.000.000đ tiền mặt đưa trực tiếp cho bị đơn; quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản bị đơn đã trả 600.000.000đ vào ngày 22/9/2017 và trả 1.300.000.000đ ngày 29/9/2017 tổng cộng 1.900.000.000đ nợ gốc, hiện nay còn nợ 300.000.000đ nợ gốc và chưa trả lãi cho bà nên khởi kiện yêu cầu ông Hoàng Nam Đ, bà Phạm Kim A có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*) và lãi phát sinh 90.000.000đ (*chín mươi triệu đồng*). Còn bị đơn thừa nhận ngày 21/9/2017 có viết giấy mượn của nguyên đơn số tiền 2.200.000.000đ, sau khi viết giấy mượn tiền đã trả hai lần tổng cộng 1.900.000.000đ, bị đơn xác định số nợ gốc 300.000.000đ còn nợ nguyên đơn là khoản nợ riêng không liên quan đến bà Phạm Kim A và đồng ý trả cho nguyên đơn nợ gốc 300.000.000đ và lãi phát sinh.

Qua xem xét toàn diện chứng cứ, tài liệu trong vụ án thì thấy rằng: Giấy mượn tiền ngày 21/9/2017 do bị đơn viết họ tên người mượn tiền ông Hoàng Nam Đ và bà Phạm Kim A; mặt sau của Giấy mượn tiền có ghi “*hẹn thứ 2 ngày 25 trả 1,6 tỷ, chưa tính lãi cho má. Sai hẹn má gọi cho A*” có chữ ký của bị đơn thể hiện có sự thống nhất giữa nguyên đơn và bị đơn về việc thông báo cho bà Phạm Kim A biết việc vay tiền cũng như việc thống nhất trong trường hợp bị đơn không trả được tiền thì nguyên đơn thông báo cho bà Phạm Kim A biết để hai bên thỏa thuận trả số nợ này. Hơn nữa theo nguyên đơn và bị đơn thừa nhận số tiền vay 2.200.000.000đ trong đó nguyên đơn đã ủy nhiệm chi số tiền 2.000.000.000đ vào tài khoản số 64310000084806 của bị đơn tại Ngân hàng theo Ủy nhiệm chi số

0093 ngày 21/9/2017 để trả khoản vay tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 182/2017/6823347/HĐTD ngày 19/4/2017 ký kết giữa Ngân hàng và vợ chồng ông Hoàng Nam Đ, bà Phạm Kim A với hạn mức tín dụng 2.000.000.000đ. Như vậy số tiền 2.000.000.000đ bị đơn vay đã sử dụng để trả khoản nợ chung của vợ chồng đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên có cơ sở xác định khoản vay 2.000.000.000đ là khoản nợ chung giữa ông Hoàng Nam Đ và bà Phạm Kim A.

Đối với khoản nợ 200.000.000đ trong khoản nợ 2.200.000.000đ theo bị đơn trình bày là khoản nợ làm ăn cũ giữa ông và nguyên đơn, không liên quan đến bà A và bà A cũng không biết khoản nợ này tuy nhiên trong Giấy mượn tiền ngày 21/9/2017 bị đơn ghi số tiền vay 2.200.000.000đ để trả nợ Ngân hàng và không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh gộp nhiều khoản vay thành khoản vay 2.200.000.000đ; trong khi nguyên đơn không thừa nhận khoản nợ 200.000.000đ là khoản nợ cũ mà xác định giữa hai bên có quan hệ vay mượn tiền với nhau và đã thanh toán đầy đủ các khoản vay trước, đối với khoản nợ 200.000.000đ là tiền mặt đưa trực tiếp cho bị đơn. Theo chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ xác minh đối với Ngân hàng vào ngày 21/9/2017 bị đơn trả nợ gốc 2.000.000.000đ và trả số tiền lãi 15.884.931đ, tiền lãi phạt 520.548đ cho hợp đồng tín dụng số 182/2017/6823347/HĐTD ngày 19/4/2017. Bị đơn sử dụng số tiền 200.000.000đ vào nhu cầu thiết yếu của gia đình nên xác định khoản vay 200.000.000đ là khoản nợ chung của ông Hoàng Nam Đ và bà Phạm Kim A.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả số tiền lãi của số tiền nợ gốc 300.000.000đ, lãi suất 10%/năm, thời gian từ ngày 23/9/2017 đến hết ngày 22/9/2020 là 03 năm; tính số tiền lãi 90.000.000đ. Xét thấy trong giấy mượn tiền ngày 21/9/2017 không ghi lãi suất, các bên không thỏa thuận lãi suất tuy nhiên bị đơn đồng ý trả lãi phát sinh cho nguyên đơn và theo quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 hết thời hạn vay bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn 20% nên yêu cầu trả lãi của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận; cần buộc ông Đ, bà A liên đới trả cho nguyên đơn tiền lãi 90.000.000đ (*chín mươi triệu đồng*).

Ông Đ và bà A ly hôn theo Quyết định thuận tình ly hôn ngày 12/12/2017 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Hồ Chí Minh. Khoản vay và việc thanh toán nợ được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Đ và bà A nên cần buộc ông Hoàng Nam Đ và bà Phạm Kim A có trách nhiệm liên đới trả nợ chung theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ những phân tích trên có đủ cơ sở khẳng định bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thanh toán cho nguyên đơn số tiền vay nợ gốc còn thiếu 300.000.000đ tại Giấy mượn tiền ghi ngày 21/9/2017 và lãi phát sinh nên cần buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 300.000.000đ và tiền lãi 90.000.000đ tổng cộng $300.000.000đ + 90.000.000đ = 390.000.000đ$ là phù hợp, đúng pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn cụ thể là: $390.000.000đ \times 5\% = 19.500.000đ$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1, 3 Điều 39, Điều 147, 220, 227, 228, 264, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị D kiện tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản.

Buộc ông Hoàng Nam Đ, bà Phạm Kim A có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trương Thị D số tiền 390.000.000đ (*ba trăm chín mươi triệu đồng*) (trong đó nợ gốc 300.000.000đ và nợ lãi 90.000.000đ).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Buộc ông Hoàng Nam Đ, bà Phạm Kim A phải chịu 19.500.000đ (*Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trương Thị D số tiền 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) đã tạm nộp theo biên lai thu số AA/2015/0007053 ngày 21/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đức Trọng;
- Chi cục THA DS huyện Đức Trọng;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Hạnh